TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HN-ST
Ngày: 16 - 10 - 2025.
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- TỈNH AN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 21 tháng 04 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Kim T, sinh năm 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 16B Tổ 5, Khu phố T, phường T1, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Tạ Minh Q, sinh năm 1974 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 16B Tổ 5, Khu phố T, phường T1, tỉnh An Giang.

NHẬN THẤY:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/08/2025; bản tự khai, quá trình hòa giải nguyên đơn bà Lương Kim T trình bày*:** Bà T và ông Q tự tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân vào năm 2015, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi về chung sống, vợ chồng sống ở địa chỉ số 16B Tổ 5, Khu phố Tà Tây, phường Vĩnh Thông, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 08/2025 thì vợ chồng sống ly thân đến nay.

Nguyên nhân: Do ông Q có người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến vợ chồng cự cải nhau. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông Q không thể tiếp tục sống chung sống, mục đích hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà Lương Kim T xác định vợ chồng chung sống không có con chung, hiện nay bà T cũng không có mang thai.

Về tài sản chung: Bà Lương Kim T xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lương Kim T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên toà hôm nay ông Tạ Minh Q có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai cũng như tại biên bản hoà giải ông Q trình bày:*

Về vấn đề hôn nhân: Ông Tạ Minh Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Ông Tạ Minh Q xác định vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Ông Tạ Minh Q xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Tạ Minh Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lương Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tạ Minh Q và ông Q là bị đơn cư trú tại phường Vĩnh Thông, tỉnh An Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tạ Minh Q có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của bà T tại Tòa án, ngoài ra anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt và tại phiên tòa nguyên đơn bà T cũng có đơn xin xét xử vắng mặt bà theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà T và ông Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Kim T và ông Tạ Minh Q tự nguyện quen biết nhau tìm hiểu nhau rồi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà T và ông Q không còn tin tưởng nhau trong quan

hệ vợ từ đó dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù ông, bà có cố gắng hoà giải để hoà thuận nhưng không thành. Bà T và ông Q cũng đã sống ly thân nhưng không hàn gắn được. Tại bản tự khai bà T và ông Q xác định không thể hàn gắn chung sống được nên cả hai đồng ý yêu cầu được ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Bà T và ông Q mặc dù đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được pháp luật công nhận hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T và quyết định không công nhận giữa bà T và ông Q là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Lương Kim T và ông Tạ Minh Q xác định ông, bà chung sống không có con chung, hiện nay bà T cũng không có mang thai nên không yêu cầu Toà án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lương Kim T và ông Tạ Minh Q xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lương Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2025

Áp dụng khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Lương Kim T và ông Tạ Minh Q.

2. Về con chung: Bà Lương Kim T và ông Tạ Minh Q xác định ông, bà chung sống không có con chung, hiện nay bà T cũng không có mang thai nên không yêu cầu Toà án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lương Kim T và ông Tạ Minh Q xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lương Kim T phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ tiền tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0002123 ngày 17/09/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lương Kim T và ông Tạ Minh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thuỳ Linh

* ***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang
- VKSND Khu vực 1-An Giang
- THA DS tỉnh An Giang
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ